

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL,
TỈNH ĐẮKNÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15-3-2021

“V/v Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thanh, ông Phan Sỹ Phác

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa: bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 137/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2020 v/v ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXX-ST ngày 17/02/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Lê Ngọc Q, sinh năm 2000 – Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 92 B Trần Hưng Đạo, thị trấn Đ, huyện ĐM, tỉnh ĐN.

- *Bị đơn:* Anh Phan Hồng S, sinh năm 1992 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn TH 4, xã ĐS, huyện ĐM, tỉnh ĐN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa chị Lê Ngọc Q (nguyên đơn) trình bày: Chị và anh Phan Hồng S đăng ký kết hôn ngày 22/11/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện ĐM, tỉnh ĐN. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống anh chị không có con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau dẫn đến xích mích, hai anh chị đã sống ly thân với nhau từ khi mới cưới nhau về là ngày 27/12/2019 đến nay. Vì vậy chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phan Hồng S.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Hồng S đã được tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân huyện ĐM xác minh tại địa phương anh S vẫn có đăng ký hộ khẩu ở thôn TH 4, xã ĐS, huyện ĐM, tỉnh ĐN do đó Tòa án tiến hành tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐM tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền theo quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 93, Điều 144, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Ngọc Q với anh Phan Hồng S.

Về con chung: Không có.

Về chia tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Ngọc Q chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Anh Phan Hồng S trú tại Thôn TH 4, xã ĐS, huyện ĐM, tỉnh ĐN, kết hôn ngày 22/11/2019, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện ĐM, tỉnh ĐN, chị Q có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và Tòa án nhân dân huyện ĐM, tỉnh ĐN thụ lý và giải quyết là đúng với thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn chị Lê Ngọc Q có đơn xin xét xử vắng mặt đúng quy định cần được chấp nhận.

Đối với bị đơn anh Phan Hồng S hai lần được Tòa án nhân dân huyện ĐM triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh S cố tình vắng mặt không có lý do gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Điều đó thể hiện ý thức không tôn trọng pháp luật. Mặt khác sự cố tình vắng mặt của anh S đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh S phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho

mình và Tòa án nhân dân huyện ĐM tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Phan Hồng S và chị Lê Ngọc Q theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 22/11/2019 chị Q, anh S kết hôn, có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên do cuộc sống chung không hợp nhau, phát sinh mâu thuẫn cãi vã, bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng từ lúc mới cưới và đã sống ly thân với nhau từ tháng 12/2019 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án anh S không hợp tác để giải quyết, qua xác minh ở chính quyền địa phương được biết chị Q và anh S đã sống ly thân từ lâu, qua đó xác định được mâu thuẫn giữa chị Q và anh S là trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Ngọc Q.

[2.2]. Về con chung: anh chị không có con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. **Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị Lê Ngọc Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[2.5]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 180; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Lê Ngọc Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Ngọc Q được ly hôn với anh Phan Hồng S.

2. Về con chung: Không có.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Ngọc Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003634 ngày 13/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐM, tỉnh ĐN.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND huyện ĐM ;
- Chi Cục THADS huyện ĐM;
- UBND thị trấn Đ.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)